TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên

2. Ông Quách Đình Hoằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Síu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hà T.

Địa chỉ: 21 Y Đ, Tổ 9, phường Y Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Minh H.

Địa chỉ: Số 12/11 Hẻm 236 P V Đ, phường T N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1990. Địa chỉ: 41 N T, Tổ 01, phường T L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày: Bà có quan hệ quen biết và làm ăn với bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Lê Thị Minh H. Do bà Lê Thị Minh H có nợ tiền của bà Nguyễn Thị Hồng H và bà Nguyễn Thị Hồng H có vay mượn tiền của bà nên vào ngày 23-02-2019 bà Lê Thị Minh H có viết giấy nhận có trách nhiệm trả cho bà số tiền 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*), mỗi tháng đóng cho bà 5.000.000đồng chuyển qua tài khoản. Số tiền này là tiền bà Nguyễn Thị Hồng H cấn trừ nợ của bà H qua cho bà. Đến ngày 18-9-2019 bà Lê Thị Minh H viết giấy

nhận nợ bà số tiền 34.000.000đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*), số tiền này bà H mượn trực tiếp của bà. Tổng cộng bà Lê Thị Minh H còn nợ bà số tiền 124.000.000đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu đồng*). Từ khi viết giấy đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Lê Thị Minh H trả nợ, nhưng bà Lê Thị Minh H không trả tiền cho bà.

Nay bà Huỳnh Thị Hà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Minh H trả cho bà số tiền 124.000.000đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu đồng*) tiền gốc, bà không yêu cầu tính lãi của số tiền này.

Đối với ý kiến của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Hồng H cho rằng khoản tiền bà Nguyễn Thị Hồng H nợ bà cấn trừ cho bà Lê Thị Minh H bà đã khởi kiện bà H tại một vụ án khác là không có căn cứ vì sau khi các bên cấn trừ nợ với nhau, bà Lê Thị Minh H đã viết lại cho bà bằng giấy nhận có trách nhiệm trả cho bà số tiền 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*) vào ngày 23-02-2019, không liên quan đến khoản nợ bà khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Minh H:

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Lê Thị Minh H. Tuy nhiên, bà Lê Thị Minh H không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà Lê Thị Minh H không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 29-6-2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và bà Lê Thị Minh H có vay mượn làm ăn với nhau nhiều năm, giữa bà Lê Thị Minh H và bà Huỳnh Thị Hà T không quen biết nhau. Bà có vay mượn bà Huỳnh Thị Hà T và nợ bà T số tiền là 119.630.000đồng. Do bà Lê Thị Minh H có nợ tiền của bà nên bà Huỳnh Thị Hà T đã yêu cầu bà phải cấn nợ của bà H qua cho bà Huỳnh Thị Hà T, và bà đã cấn nợ số tiền 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*) bà H nợ bà qua cho bà Huỳnh Thị Hà T, giấy cấn nợ này bà là người viết, bà và bà Lê Thị Minh H đã ký vào giấy cấn nợ. Tuy nhiên, sau khi viết giấy tờ cấn nợ của bà H nợ bà qua cho bà T, bà T vẫn kiện bà số tiền này mà không trừ ra số tiền bà đã cấn qua cho bà H trả cho bà T. Nay bà Huỳnh Thị Hà T khởi kiện bà Lê Thị Minh H trả số tiền 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*) theo giấy cấn nợ bà đã viết thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật do bản thân bà không giữ giấy tờ gì chứng minh cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ theo các tài liệu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Khoản 2 Điều 468 và Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*:

Bà Huỳnh Thị Hà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Minh H trả cho bà số tiền 124.000.000đồng tiền gốc.

Đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hà T được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Bà Lê Thị Minh H cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*:

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bà Lê Thị Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Ngày 23-02-2019 bà Lê Thị Minh H có viết giấy nhận nợ bà Huỳnh Thị Hà T số tiền 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*) (Nguồn gốc số tiền này bà Nguyễn Thị Hồng H cấn trừ nợ qua và được các bên đồng ý) đến ngày 18-9-2019, bà Lê Thị Minh H có viết giấy nhận nợ bà Huỳnh Thị Hà T số tiền 34.000.000đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*) tổng cộng 124.000.000đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu đồng)*. Khi vay tiền bà Lê Thị Minh H có viết giấy nhận nợ cho bà Huỳnh Thị Hà T.

Xét, giao dịch vay tiền giữa người cho vay là bà Huỳnh Thị Hà T với bên vay là bà Lê Thị Minh H và việc cấn trừ nợ giữa các bên là giao dịch dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Đến nay bên vay tiền (bà Lê Thị Minh H) không trả tiền cho bà Huỳnh Thị Hà T (bên cho vay), mặc dù bà Huỳnh Thị Hà T đã đòi nợ và khởi kiện đến Tòa án, là trái với quy định pháp luật. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà Huỳnh Thị Hà T, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hà T và buộc bà Lê Thị Minh H phải trả cho bà Huỳnh Thị Hà T khoản tiền nợ 124.000.000đồng *(Một trăm hai mươi bốn triệu đồng)* tiền gốc.

[4] *Về nợ lãi*: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với ý kiến của người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng H bà thừa

nhận bà có cấn trừ số tiền nợ của bà Lê Thị Minh H sang cho bà Huỳnh Thị Hà T là 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*), nhưng bà T đã khởi kiện bà số tiền nợ này trong một vụ án khác, nhưng bà lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình, mặc khác bà Huỳnh Thị Hà T không chấp nhận do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39,70,72, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 234,Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Khoản 2 Điều 468 và Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hà T về việc buộc bà Lê Thị Minh H trả nợ vay.

Buộc bà Lê Thị Minh H phải trả cho bà Huỳnh Thị Hà T số tiền 124.000.000đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Minh H phải chịu 6.200.000đồng *(Sáu triệu hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Hà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Hà T số tiền 3.100.000đồng *(Ba triệu một trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số 0004790 ngày 05-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm